

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-VHTT

Yên Định, ngày tháng năm 2023

V/v giao nhiệm vụ thực hiện duy trì, cải thiện và nâng cao chỉ số đánh giá Chuyển đổi số huyện Yên Định hằng năm.

Kính gửi:

- Các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục Thuế khu vực Thiệu Hóa – Yên Định;
- Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Yên Định;
- Chi cục Thống kê huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Hiệp hội các doanh nghiệp huyện;
- Các doanh nghiệp: Bưu điện huyện, Viễn thông Yên Định, Viettel Yên Định, Mobifone Yên Định.

Thực hiện công văn số 11401/UBND-CNTT ngày 08/8/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao nhiệm vụ thực hiện duy trì, cải thiện và nâng cao chỉ số đánh giá Chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa hằng năm;

Theo số liệu được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 2148 ngày 20/6/2023 về việc ban hành kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2022, UBND huyện Yên Định xếp thứ 5 khối UBND cấp huyện, thị xã, thành phố. Trên cơ sở Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa được ban hành kèm theo Quyết định số 3853/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 4162/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc đính chính Phụ lục một số điểm số chỉ số thành phần kèm theo Quyết định số 3853/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Ban hành Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Để duy trì, cải thiện và nâng cao chỉ số đánh giá Chuyển đổi số của huyện Yên Định, Chủ tịch UBND huyện yêu cầu các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND huyện; các cơ quan đơn vị có liên trên địa bàn huyện; UBND các xã, thị trấn tập trung triển khai các nhiệm vụ cụ thể như sau:

I. Thực hiện duy trì, cải thiện và nâng cao chỉ số đánh giá Chuyển đổi số (CĐS) huyện Yên Định hằng năm

1. Đối với Chỉ số “Nhận thức số”:

- Văn phòng UBND-HĐND huyện thường xuyên tham mưu, trình Chủ tịch UBND huyện - Trưởng Ban chỉ đạo CĐS huyện ký các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo về CĐS; tham mưu lịch làm việc phù hợp để Chủ tịch UBND huyện chủ trì các cuộc họp về CĐS của huyện.

- Các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND huyện; các đơn vị trên địa bàn huyện; UBND các xã, thị trấn rà soát, bổ sung nhiệm vụ duy trì, cải thiện, nâng cao chỉ số CĐS của huyện vào chương trình, kế hoạch CĐS của đơn vị.

- Chủ tịch UBND cấp xã - Trưởng Ban chỉ đạo CĐS cấp xã chỉ đạo xây dựng chuyên trang về CĐS trên trang thông tin điện tử (TTĐT); tổ chức chuyên mục riêng về CĐS, tăng tần suất phát về CĐS trên các hệ thống truyền thanh cơ sở ở địa phương ít nhất 02 lần/tuần.

- Trung tâm Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch duy trì các chuyên trang, chuyên mục riêng về CĐS; tăng tần suất phát các chương trình liên quan về CĐS ít nhất 02 lần/tuần.

2. Đối với Chỉ số “Thế chế số”:

- Phòng Văn hóa và Thông tin trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh, của Sở Thông tin và Truyền thông, nghiên cứu tham mưu cho UBND huyện ban hành các kế hoạch, chương trình, chính sách về CĐS trên địa bàn huyện. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức các hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn phiên bản mới nhất về khung kiến trúc chính quyền điện tử, kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh huyện Yên Định.

- Các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND huyện, UBND các xã, thị trấn rà soát, tổ chức triển khai, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết chuyên đề, các Kế hoạch theo giai đoạn và hằng năm của huyện, của cơ quan, đơn vị về CĐS; đảm bảo nguồn chi cho hoạt động CĐS trong cơ quan, đơn vị.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế - Hạ tầng tham mưu bố trí vốn cho các dự án ứng dụng công nghệ thông tin và CĐS trên địa bàn huyện từ nguồn tiết kiệm chi sự nghiệp trong dự toán ngân sách hằng năm theo đúng quy định hiện hành; tham mưu chính sách bố trí ngân sách đảm bảo chi hằng năm cho CĐS của huyện.

3. Đối với Chỉ số “Hạ tầng số”:

- Phòng Văn hóa và Thông tin tham mưu lựa chọn các nền tảng dùng chung,

các nền tảng số ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông để triển khai có hiệu quả trên địa bàn huyện.

- Các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND huyện phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin thúc đẩy sử dụng các nền tảng số, phát triển kinh tế số, xã hội số ở ngành, địa phương, nhất là các nền tảng phục vụ CDS cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- UBND xã, thị trấn tăng cường công tác tuyên truyền đến người dân về ứng dụng, lợi ích khi sử dụng điện thoại thông minh; tăng tỷ lệ các hộ gia đình kết nối Internet băng thông rộng cáp quang.

- Các doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn huyện triển khai các giải pháp, sử dụng tối đa các nguồn lực để mở rộng vùng phục vụ điện thoại di động 4G/5G, hạ tầng mạng cáp quang băng thông rộng; có các chương trình khuyến khích các hộ gia đình sử dụng dịch vụ Internet băng thông rộng cáp quang.

4. Đối với Chỉ số “Nhân lực số”:

- Phòng Văn hóa và Thông tin chủ trì, phối hợp với phòng Nội vụ, phòng Tài chính - Kế hoạch và các đơn vị liên quan tham mưu UBND huyện cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực CNTT, ATTT; thuê chuyên gia phục vụ CDS của huyện.

- Các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND huyện, UBND các xã, thị trấn chỉ đạo thành lập, kiện toàn các tổ chức, cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm về CDS, ATTT mạng tại cơ quan, đơn vị.

- Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch hoặc tham mưu UBND huyện kế hoạch thúc đẩy tăng Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông thực hiện CDS (về quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở), đảm bảo tỷ lệ theo chương trình CDS của huyện đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

- UBND các xã, thị trấn chỉ đạo hoạt động hiệu quả các Tổ công nghệ số cộng đồng đến thôn, xóm, tham gia đầy đủ các chương trình tập huấn trên nền tảng đào tạo <https://onetouch.mic.gov.vn> theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông; bố trí cán bộ chuyên trách về CDS, ATTT mạng; cử CBCCVV tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về CDS do tỉnh, huyện tổ chức, đồng thời hằng năm chủ động tổ chức các buổi tập huấn cho cán bộ ở địa phương (*ngoài các chương trình chung của tỉnh, huyện*); phối hợp triển khai các chương trình đào tạo, tập huấn kỹ năng số cho công dân trên địa bàn.

5. Đối với Chỉ số “An toàn thông tin mạng”:

- Văn phòng HĐND-UBND huyện chủ trì thực hiện và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc UBND huyện, UBND các xã, thị trấn triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt trong năm 2023 cho Hệ thống thông tin tại các đơn vị; Đảm bảo 100% máy tính làm việc trong các cơ quan nhà nước ở các cơ quan, đơn vị phải cài đặt phần mềm phòng chống mã độc và được kết nối về Trung tâm điều hành an toàn an ninh mạng tỉnh. Đảm bảo ATTT mạng ở cơ quan, đơn vị, không để xảy ra tình trạng mất ATTT mạng và nhiễm mã độc; kịp thời chỉ đạo tổ chức trực thuộc xử lý nhiễm mã độc theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Kinh tế - Hạ tầng tham mưu bố trí ngân sách thực hiện công tác đảm bảo ATTT mạng của huyện cho các dự án, nhiệm vụ đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

6. Đối với Chỉ số “Hoạt động Chính quyền số”:

- Văn phòng HĐND - UBND huyện:

+ Chủ trì tham mưu nâng cấp Cổng thông tin điện tử huyện đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định (Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ, Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông và các quy định có liên quan).

+ Tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC), các TTHC đủ điều kiện thực hiện toàn trình (mức độ 4) tổng hợp báo cáo UBND tỉnh công bố lại danh mục TTHC thực hiện toàn trình, góp phần tăng tỷ lệ DVC trực tuyến được tích hợp lên Cổng DVC quốc gia. Kiến nghị Chủ tịch UBND huyện xem xét, xử lý người đứng đầu cơ quan, đơn vị chậm trễ, thiếu kiên quyết, thực hiện không đúng quy định trong giải quyết kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức về TTHC trực tuyến. Tăng tỷ lệ giải quyết TTHC trực tuyến, tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng TTHC trực tuyến.

- Phòng văn hóa và Thông tin:

+ Phối hợp với các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND huyện, UBND các xã, thị trấn đưa dữ liệu thuộc các lĩnh vực lên Cổng dữ liệu mở của tỉnh (open data) theo các danh mục dữ liệu dùng chung của tỉnh.

+ Chủ trì tham mưu rà soát, bổ sung, sử dụng các nền tảng theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông, gồm: nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung; nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn tỉnh phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước; nền tảng

giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước; nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp, công chức, viên chức.

- UBND các xã, thị trấn tiếp tục triển khai hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến tích hợp chung với hệ thống của huyện.

- Các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND huyện, UBND các xã, thị trấn tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân biết sử dụng dịch vụ bưu chính công ích trong việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC; đẩy mạnh việc triển khai, tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ Bưu chính công ích theo chỉ đạo tại Công văn số 1669/BTTTT-BC ngày 09/5/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc đẩy mạnh triển khai Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ Bưu chính công ích.

- Bộ phận một cửa huyện:

+ Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Trung tâm Phục vụ hành chính công, chủ trì tham mưu nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định (Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ, Thông tư số 32/2017/TTBTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông và các quy định có liên quan).

+ Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân biết sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Giao Bưu điện huyện theo chức năng nhiệm vụ được giao có giải pháp nhân sự, thiết bị,... phối hợp với các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, thị trấn thực hiện hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ Bưu chính công ích theo quy định.

7. Đối với Chỉ số “Hoạt động kinh tế số”:

- Phòng Văn hóa và Thông tin chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Kinh tế - Hạ tầng tham mưu triển khai có hiệu quả kế hoạch phát triển doanh nghiệp số trên địa bàn huyện; thúc đẩy và xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số, tiếp cận và tham gia chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số (SMEdx).

- Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Kinh tế - Hạ tầng theo chức năng nhiệm vụ được giao, căn cứ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ngân sách, ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế số trên địa bàn huyện.

- Phòng Kinh tế - Hạ tầng chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND huyện giải pháp tăng số lượng doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế - Hạ tầng xác định tổng kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động kinh tế số hằng năm; tham mưu, báo cáo Sở Tài chính sớm có hướng dẫn về định mức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa CDS theo Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ.

- Chi Cục thuế khu vực Thiệu Hóa - Yên Định có giải pháp thúc đẩy và xác định tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử hằng năm.

- Chi Cục Thống kê huyện chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tham mưu cho UBND huyện xác định các chỉ số như tỷ trọng kinh tế số trong GRDP.

- Hiệp hội doanh nghiệp huyện tiếp tục có các chương trình, giải pháp tuyên truyền cho cộng đồng doanh nghiệp huyện nâng cao hiệu quả tham gia chương trình SMEdx, tích cực ứng dụng các nền tảng số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, sử dụng hợp đồng điện tử trong các giao dịch thương mại...

- Bru điện huyện có giải pháp thúc đẩy nhanh việc giao dịch trên sàn thương mại điện tử như Postmart nhằm tăng tỷ lệ giao dịch trên sàn thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.

8. Đối với Chỉ số “Hoạt động xã hội số”:

- Văn phòng HĐND - UBND huyện duy trì liên kết Hệ thống tiếp nhận và trả lời phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân (phanhoi.thanhhoa.gov.vn) đến UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan trên Cổng thông tin điện tử; Thiết lập kênh Chính quyền điện tử trên Nền tảng zalo OA để tiếp nhận và nâng cao hiệu quả, chất lượng giải quyết phản ánh, kiến nghị, đáp ứng sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

- Công an huyện chủ trì tiếp tục hỗ trợ người dân tạo danh tính số/tài khoản định danh điện tử trên hệ thống VNeID theo Đề án 06.

- Phòng Văn hóa và Thông tin chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, thị trấn thúc đẩy tuyên truyền, hướng dẫn người dân về kỹ năng số cho người dân thông qua các tổ công nghệ số cộng đồng ở cấp xã; tăng cường các giải pháp tạo sự thuận lợi cho người dân tham gia giải quyết các vấn đề của địa phương trên nền tảng số, không gian mạng; tuyên truyền người dân đăng ký, sử dụng chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân trong sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các ứng dụng khác theo nhu cầu; phối hợp với các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, thị trấn triển khai địa chỉ số đến các gia đình theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Kinh tế - Hạ tầng tham mưu bố trí nguồn kinh phí đầu tư, thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho xã hội số.

- Các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND huyện, UBND các xã, thị trấn nâng cao trách nhiệm trong việc xử lý các vấn đề góp ý, thắc mắc của người dân có chất

lượng, kịp thời tạo niềm tin cho người dân tham gia xây dựng chính quyền và giải quyết các vấn đề của địa phương trên nền tảng số, không gian mạng nhiều hơn.

- UBND các xã, thị trấn phối hợp tăng cường các giải pháp tạo sự thuận lợi cho người dân tham gia giải quyết các vấn đề của địa phương trên nền tảng số, không gian mạng; tuyên truyền, vận động người dân tích cực sử dụng Căn cước công dân, số điện thoại chính chủ, tài khoản định danh điện tử... thực hiện dịch vụ công thông qua hình thức trực tuyến.

(có Phụ lục phân công thực hiện duy trì, cải thiện và nâng cao chỉ số đánh giá CDS huyện Yên Định hằng năm kèm theo).

II. Tổ chức thực hiện

1. Các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND huyện, UBND các xã, thị trấn, các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ cụ thể được giao tại mục I và phụ lục phân công kèm theo; căn cứ vào điểm số đạt được năm 2022 và điểm số tối đa để làm mốc duy trì, phấn đấu đạt điểm tối đa nhất; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND huyện về thông tin, số liệu, điểm số, kết quả thực hiện nhiệm vụ, định kỳ hằng quý (**vào ngày 15 tháng cuối cùng của quý**) báo cáo kết quả về UBND huyện qua phòng Văn hóa và Thông tin để tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND huyện.

2. Giao Phòng Văn hóa và Thông tin làm đầu mối, hằng năm theo yêu cầu của Sở Thông tin và Truyền thông về cung cấp số liệu phục vụ đánh giá mức độ CDS theo Quyết định số 3853/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 và Quyết định số 4162/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 nêu trên; hướng dẫn, đôn đốc các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND huyện; UBND các xã, thị trấn; các đơn vị trên địa bàn huyện có liên quan phối hợp cung cấp thông tin, tổng hợp và báo cáo theo quy định.

Nhận được công văn này, Chủ tịch UBND huyện yêu cầu các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND huyện; các đơn vị trên địa bàn huyện có liên quan; UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - UBND tỉnh (để b/c);
 - Sở Thông tin và Truyền thông (để b/c);
 - Các PCT UBND huyện (để chỉ đạo t/h);
 - Thành viên BCĐ CDS huyện;
- (theo QĐ số 2249/QĐ-UBND ngày 12/7/2023)*
- Lưu: VT, VHTT.

CHỦ TỊCH



Phạm Tiến Dũng

PHỤ LỤC
PHÂN CÔNG THỰC HIỆN DUY TRÌ, CẢI THIỆN VÀ NÂNG CAO CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ CHUYỂN ĐỔI SỐ
HUYỆN YÊN ĐỊNH HÀNG NĂM.

(Kèm theo Công văn số: /UBND-VHTT ngày / /2023 của Chủ tịch UBND huyện Yên Định

I. Thông tin chung

STT	Thông tin	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Tên đơn vị	Phòng Văn hóa & Thông tin	
2	Địa chỉ	Phòng Văn hóa & Thông tin	
3	Tổng số cán bộ, công chức (CBCC)	Phòng Nội vụ	
4	Tổng số viên chức (VC)	Phòng Nội vụ	
5	Tổng số doanh nghiệp (DN) trên	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	Hiệp hội doanh nghiệp huyện
6	Tổng số người dân trên địa bàn	Chi cục Thống kê	
7	Thông tin đầu mối nhập báo cáo		
	Họ và tên:	Lưu Tuấn Anh	
	Phòng/ban:	Phòng Văn hóa & Thông tin	
	Số điện thoại:	0919065838	
	Email:	anhlt.yendinh@thanhhoa.gov.vn	

II. Các chỉ số đánh giá

1. Chỉ số “Nhận thức số”

1	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa (100)	Điểm năm 2022 (83,125)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp

1.1	Người đứng đầu huyện (Bí thư/ Chủ tịch) là Trưởng ban Ban chỉ đạo CDS của huyện	20	20	Văn phòng HĐND-UBND	Phòng Văn hóa & Thông tin
1.2	Người đứng đầu huyện (Bí thư/ Chủ tịch) chủ trì, chỉ đạo CDS	20	18,125	Văn phòng HĐND-UBND	Phòng Văn hóa và Thông tin
1.2.1	Bí thư/Chủ tịch cấp huyện tham gia đầy đủ các cuộc họp về chuyển đổi số của tỉnh	10	8,125		
1.2.2	Bí thư/Chủ tịch cấp huyện chủ trì các cuộc họp về chuyển đổi số của đơn vị	10	10		
1.3	Tổ chức các hội nghị, hội thảo, chương trình tập huấn cho CBCC, VC đơn vị về chuyển đổi số	20	20	Phòng Văn hóa và Thông tin	Viễn Thông Yên Định
1.4	Trang thông tin điện tử của huyện, có chuyên mục riêng về chuyển đổi số	20	15	Văn phòng HĐND-UBND	Phòng Văn hóa & Thông tin
1.5	Đài truyền thanh cấp Huyện có chuyên mục riêng về chuyển đổi số	10	0	Trung tâm VHNTTTT&DL huyện	Phòng Văn hóa & Thông tin
1.6	Tần suất Đài truyền thanh cấp Huyện phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số	10	10	Trung tâm VHNTTTT&DL huyện	Phòng Văn hóa & Thông tin

2. Chỉ số “Thế chế số”

2	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa (100)	Điểm năm 2022 (100)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
2.1	Nghị quyết chuyên đề hoặc văn bản tương	20	20	Phòng Văn hóa và	Văn phòng

	đương của cấp uỷ về chuyển đổi số của huyện, thị xã, thành phố			Thông tin	HĐND-UBND
2.2	Kế hoạch 05 năm (hoặc giai đoạn) của huyện, thị xã, thành phố về chuyển đổi số	20	20	Phòng Văn hóa và Thông tin	Văn phòng HĐND-UBND
2.3	Kế hoạch hàng năm của huyện về chuyển đổi số	20	20	Phòng Văn hóa và Thông tin	Văn phòng HĐND-UBND
2.4	Hướng dẫn, khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)	20	20	Văn phòng HĐND-UBND	Phòng Văn hóa & Thông tin
2.5	Triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên chuyển đổi số (SMEdx)	20	20	Phòng Văn hóa và Thông tin	- Văn phòng HĐND-UBND; - Hiệp hội doanh nghiệp huyện.

3. Chỉ số “Hạ tầng số”

3	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa (100)	Điểm năm 2022 (95)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
3.1	Tỷ lệ cán bộ CBCC, VC được trang bị máy tính phục vụ công việc (gồm cả máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng)	5	5	Văn phòng HĐND-UBND	Phòng Văn hóa & Thông tin
3.2	Tỷ lệ máy tính có kết nối Internet băng rộng (trừ các máy tính xử lý tài liệu mật theo quy định)	5	5	Văn phòng HĐND-UBND	Văn phòng HĐND-UBND

3.3	Tỷ lệ UBND cấp xã kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng	10	10	Phòng Văn hóa & Thông tin	UBND các xã, thị trấn
3.4	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn được phủ sóng di động 4G/5G.	10	10	Phòng Văn hóa & Thông tin	- Viễn thông Yên Định; Viettel Yên Định; Mobifone Yên Định.
3.5	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có hạ tầng mạng băng rộng cáp quang bao phủ	10	10	Phòng Văn hóa & Thông tin	- Viễn thông Yên Định; Viettel Yên Định; Mobifone Yên Định.
3.6	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh	10	10	Chi cục Thống kê huyện.	- Phòng Văn hóa & Thông tin; - Viễn thông Yên Định; Viettel Yên Định; Mobifone Yên Định.
3.7	Có hệ thống Camera an ninh trên địa bàn kết nối về UBND huyện hoặc Công an huyện để phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành an toàn xã hội, an toàn giao thông,...	10	5	- Văn phòng HĐND-UBND; - Công an huyện.	Phòng Văn hóa & Thông tin
3.8	Triển khai các hệ thống Wifi công cộng miễn phí phục vụ nhu cầu của người dân và du khách tại các điểm công cộng (như các điểm tham quan du lịch, công cộng, Bộ	10	10	Văn phòng HĐND-UBND;	Phòng Văn hóa & Thông tin

	phận một cửa UBND cấp huyện...)				
3.9	UBND cấp huyện có hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến (Không gồm hệ thống khối Đảng)	10	10	Văn phòng HĐND-UBND;	Phòng Văn hóa & Thông tin
3.10	UBND cấp huyện đã triển khai hệ thống phòng họp không giấy tờ	10	10	Văn phòng HĐND-UBND;	Phòng Văn hóa & Thông tin
3.11	Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chuyển đổi số	10	10	Phòng Tài chính – Kế hoạch	Phòng Kinh tế - Hạ tầng

4. Chỉ số “Nhân lực số”

4	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa (100)	Điểm năm 2022 (92,85)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
4.1	Có Ban Chỉ đạo chuyển đổi số cấp huyện	20	20	Phòng Văn hóa & Thông tin	Các phòng, ban, đơn vị có liên quan
4.2	Tỷ lệ Ban Chỉ đạo chuyển đổi số cấp xã	20	20	Phòng Văn hóa & Thông tin	UBND các xã, thị trấn
4.3	Tỷ lệ thôn, bản, khu phố có tổ công nghệ số cộng đồng	20	20	Phòng Văn hóa & Thông tin	UBND các xã, thị trấn
4.4	Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về chuyển đổi số	10	2,85	Phòng Văn hóa & Thông tin	Các phòng, ban, đơn vị có liên quan
4.5	Có công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về An toàn thông tin mạng	10	10	Văn phòng HĐND-UBND;	Các phòng, ban, đơn vị có liên quan
4.6	Tỷ lệ cán bộ công chức, viên chức được	10	10	Phòng Văn hóa &	Các phòng, ban,

	bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số			Thông tin	đơn vị có liên quan
4.7	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở).	10	10	Phòng Giáo dục & Đào tạo	Các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông

5. Chỉ số “An toàn thông tin mạng”

5	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa (100)	Điểm năm 2022 (95)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
5.1	Có hệ thống thông tin đã được phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ.	10	10	Phòng Văn hóa & Thông tin	Văn phòng HĐND-UBND
5.2	Hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt.	10	10	Phòng Văn hóa & Thông tin	Văn phòng HĐND-UBND
5.3	Tỷ lệ máy chủ của cơ quan nhà nước cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Hệ thống tập trung của tỉnh.	10	10	Văn phòng HĐND-UBND	Phòng Văn hóa & Thông tin
5.4	Tỷ lệ máy trạm của cơ quan nhà nước cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Hệ thống tập trung của tỉnh.	10	10	Văn phòng HĐND-UBND	Phòng Văn hóa & Thông tin
5.5	Hệ thống thông tin của cơ quan được giám sát trực tiếp và kết nối chia sẻ dữ liệu với Hệ thống tập trung của tỉnh hoặc Bộ, ngành Trung ương.	10	10	Văn phòng HĐND-UBND	Phòng Văn hóa & Thông tin

5.6	Có phương án ứng cứu xử lý sự cố tấn công mạng	10	10	Văn phòng HĐND-UBND	Phòng Văn hóa & Thông tin
5.7	Đơn vị có tham gia các cuộc diễn tập ứng cứu sự cố an toàn thông tin của tỉnh hoặc Bộ, ngành Trung ương tổ chức.	10	10	Văn phòng HĐND-UBND	Phòng Văn hóa & Thông tin
5.8	Số lượng sự cố tự phát hiện tại đơn vị	5	5	Phòng Văn hóa & Thông tin	Văn phòng HĐND-UBND
5.9	Tỷ lệ sự cố đã xử lý tại đơn vị	5	5	Phòng Văn hóa & Thông tin	Văn phòng HĐND-UBND
5.10	Tỷ lệ cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc, phần mềm diệt virus.	10	10	Phòng Văn hóa & Thông tin	Văn phòng HĐND-UBND
5.11	Tổng kinh phí chi cho an toàn thông tin	10	5	Phòng Văn hóa & Thông tin	Phòng Tài chính – Kế hoạch

6. Chỉ số “Hoạt động Chính quyền số”

6	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa (200)	Điểm năm 2022 (184,08)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
6.1	Trang thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định.	20	16	Văn phòng HĐND-UBND	UBND các xã, thị trấn
6.2	Tỷ lệ Dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) toàn trình	20	14,1	Văn phòng HĐND-UBND	UBND các xã, thị trấn
6.3	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến	20	14,1	Văn phòng HĐND-UBND	UBND các xã, thị trấn

6.4	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT	10	9,88	Văn phòng HĐND-UBND	UBND các xã, thị trấn
6.5	Triển khai nền tảng họp trực tuyến đến các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc huyện, thị xã, thành phố và đến từng thiết bị cá nhân	10	10	Văn phòng HĐND-UBND	UBND các xã, thị trấn
6.6	Tỷ lệ Lãnh đạo cấp huyện được cấp chứng thư số (Lãnh đạo UBND huyện, Trưởng/phó các đơn vị trực thuộc; không gồm cấp xã)	10	10	Văn phòng HĐND-UBND	Các phòng, ban, đơn vị có liên quan; UBND các xã, thị trấn
6.7	Tỷ lệ CBCC,VC được cấp chứng thư số của các đơn vị thuộc địa bàn huyện (không gồm đối tượng 6.6)	10	10	Văn phòng HĐND-UBND	Các phòng, ban, đơn vị có liên quan; UBND các xã, thị trấn
6.8	Tỷ lệ văn bản điện tử được ký số của cơ quan, đơn vị ban hành văn bản	10	10	Văn phòng HĐND-UBND	Các phòng, ban, đơn vị có liên quan; UBND các xã, thị trấn
6.9	Tỷ lệ văn bản điện tử được ký số của người có thẩm quyền	10	10	Văn phòng HĐND-UBND	Các phòng, ban, đơn vị có liên quan; UBND các xã, thị trấn
6.10	CBCC huyện được cấp và thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ	20	20	Văn phòng HĐND-UBND	Các phòng, ban, đơn vị có liên quan
6.11	Triển khai số hóa, xây dựng CSDL chuyên	50	50	Phòng Văn hóa &	Các phòng, ban, đơn vị có liên

	ngành			Thông tin	quan; UBND các xã, thị trấn
6.12	Huyện, thị xã, thành phố có hoạt động kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	10	10	Phòng Nội vụ	Các phòng, ban, đơn vị có liên quan

7. Chỉ số “Hoạt động kinh tế số”

7	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa (150)	Điểm năm 2022 (136,74)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
7.1	Số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh (DN) tiếp cận, tham gia chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số (SMEdx)	20	20	Phòng Văn hóa & Thông tin	- Phòng Tài chính - Kế hoạch; - Phòng kinh tế - Hạ tầng; - Hiệp hội doanh nghiệp huyện; - Chi Cục thống kê.
7.2	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	20	20	Phòng Văn hóa & Thông tin	- Phòng Tài chính - Kế hoạch; - Phòng kinh tế - Hạ tầng; - Hiệp hội doanh nghiệp huyện
7.3	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	20	20	Phòng kinh tế - Hạ tầng	Hiệp hội doanh nghiệp huyện

7.4	Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử	20	19,24	Chi Cục thuế khu vực Thiệu hóa - Yên Định	
7.5	Số điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối internet băng rộng cố định	10	10	Phòng Văn hóa & Thông tin	Bưu điện huyện
7.6	Số hộ sản xuất nông nghiệp (SXNN), doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia sàn thương mại điện tử	30	30	Bưu điện huyện, Bưu chính Viettel	Phòng Văn hóa & Thông tin
7.7	Sản phẩm OCOP, sản phẩm thế mạnh của địa phương đưa lên sàn thương mại điện tử Vò sò và Postmart.	30	17,5	Phòng Nông nghiệp & PTNT	Bưu điện huyện

8. Chỉ số “Hoạt động xã hội số”

8	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa (150)	Điểm năm 2022 (104,4)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
8.1	Tỷ lệ người dân có danh tính số/ tài khoản định danh điện tử	50	48,7	Công an huyện	UBND các xã, thị trấn
8.2	Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	50	35,7	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Yên Định (Agribank)	- Các ngân hàng: Vietinbank Yên Định, VietcomBank Yên Định, Sacombank Yên Định; - Chi cục Thống kê, - Viễn thông Yên Định, Viettel Yên

					Định, Mobifone Yên Định.
8.3	Tỷ lệ hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn biển địa chỉ số	30	0	Phòng Văn hóa & Thông tin	UBND các xã, thị trấn
8.4	Mức độ người dân được tham gia vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền trên kênh trực tuyến.	20	20	Văn phòng HĐND-UBND	Các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn